CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 10 THÁNG 3 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng
		TỔNG CỘNG						***294 256***	***122 338***	***197 349***		
I	**CẢNG CHÍNH**							**63 571**	**35 305**	**28 266**		
	Tàu đã làm hàng (trong cầu)							***25 040***	***24 921***	***119***		
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	08/3	155/3		HẢI NAM 88	CÁM 6A.1	23 000	22 894	106	10/3	HỘ LỚN
2		VTT	09/3	623/03	16/3	BN 1835	CỤC XỐ 1C	1 040	1 032	8	10/3	TD
3		VINA CARBON	10/3	635/03	17/3	BN 1666	CÁM 1	1 000	995	5	10/3	TD
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***23 350***	***10 384***	***12 966***		
1		KDT MIỀN BẮC	09/3	624/03	19/3	STAR CITY	CÁM 5A.1	17 200	7 285	9 915	RÓT DỠ	PTCB
2		KDT MIỀN BẮC	09/3	624/03	19/3	STAR CITY	CÁM 6B.1	4 800	2 322	2 478	RÓT DỠ	PTCB
3		MẶT TRỜI VIỆT NINH BÌNH	10/3	636/03	17/3	BN 1798	BÙN 3B	1 350	777	573	RÓT DỠ	TD
	Tàu đã làm lệnh (trong cầu)							***15 181***		***15 181***		
1		KDT MIỀN BẮC	09/3	628/03	19/3	VIỆT THUẬN 03-02	CÁM 6B.1	3 150		3 150		PTCB
2		COALIMEX	10/3	633/03	20/3	QN 8371	CÁM 5A.1	4 994		4 994		PTCB
3		THAN MIỀN NAM	03/3	555/03	10/3	TRUNG HIẾU 68	BÙN 3B	3 000		3 000		TD
4		DVVT QN	06/3	594/03	13/3	BN 2139	CỤC XỐ 1C	1 200		1 200		TD
5		ĐTTM&DV	10/3	631/03	17/3	BN 2646	CỤC XỐ 1C	1 000		1 000		TD
6		SÔNG HỒNG	10/3	634/03	17/3	BN 2633	CÁM 4B.1	1 837		1 837		TD
	Tàu chuyển tải							**127 750**	**27 419**	**100 331**		
	Tàu đã làm hàng							***21 300***	***21 309***	***- 9***		
1		ĐIỆN DUYÊN HẢI	02/3	144/3		VIỆT THUẬN 215-03	CÁM 5B.14	21 300	21 309	- 9	10/3	HỘ LỚN
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***27 650***	***6 110***	***21 540***		
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	07/3	154/3		HẢI NAM 79	CÁM 6A.10	27 650	6 110	21 540	RÓT DỠ	HỘ LỚN
	Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)							***78 800***		***78 800***		
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	02/3	141/3		HẢI NAM 39	CÁM 6A.10	28 700		28 700		HỘ LỚN
2		ĐIỆN DUYÊN HẢI	09/3	158/3		VIỆT THUẬN 30-05	CÁM 6A.14	26 300		26 300		HỘ LỚN
3		ĐIỆN DUYÊN HẢI	10/3	159/3		VIỆT THUẬN 26-02	CÁM 5B.14	23 800		23 800		HỘ LỚN
II	**KHO G9-HÓA CHẤT**							**29 327**	**9 630**	**19 697**		
	Tàu đã làm hàng							***8 116***	***8 905***	***- 789***		
1		CẦU ĐUỐNG	09/3	630/03	19/3	BN 2388	CÁM 7C	1 574	1 556	18	10/3	PTCB
2		KDT HẢI PHÒNG	09/3	523/03	16/3	HP 4850	CỤC 1B	1 000	984	16	10/3	TD
3		VTT	09/3	535/03	16/3	BN 0746	CỤC 1A	942	927	15	10/3	TD
4		DVVT QN	07/3	601/3	14/3	NB 8530	CÁM 8A	1 500	1 492	8	10/3	TD

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 10 THÁNG 3 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng
5		KDT MIỀN BẮC	07/3	606/3	14/3	BN 2329	CÁM 8A	1 000	991	9	10/3	TD
6		TNK MV SASEBO GLORY	08/3	1 136		CỬA ÔNG 18	TNK MOZAMBIQUE	2 100	2 954	- 854	10/3	
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***3 100***	***724***	***2 376***		
1		SÔNG HỒNG	09/3	625/03	16/3	BN 2112	CỤC 1B	1 000		1 000		TD
2		TNK MV SASEBO GLORY	08/3	1 136		CỬA ÔNG 14	TNK MOZAMBIQUE	2 100	724	1 376	BỐC DỠ	
	Tàu đã làm lệnh							***18 111***		***18 111***		
1		V TRACO	04/3	561/03	11/3	BN 0718	CỤC 1A	1 000		1 000		TD
2		ĐTTM&DV	07/3	602/3	14/3	AN THÀNH 68	CỤC 1B	1 000		1 000		TD
3		ĐTTM&DV	07/3	602/3	14/3	AN THÀNH 68	CÁM 8A	920		920		TD
4		THAN MIỀN NAM	07/3	608/3	14/3	HÙNG MẠNH 68	CỤC 1A	1 100		1 100		TD
5		THAN MIỀN NAM	07/3	608/3	14/3	HÙNG MẠNH 68	CÁM 8A	1 230		1 230		TD
6		COALIMEX	06/3	586/03	13/3	BN 1079	CỤC 1A	1 000		1 000		TD
7		HẰNG HẢI VN	09/3	524/03	16/3	BN 1879	CỤC 1B	1 060		1 060		TD
8		VTT	09/3	627/03	16/3	BN 0758	CỤC 1B	1 050		1 050		TD
9		CẦU ĐUỐNG	09/3	629/03	16/3	BN 2228	CỤC 1A	1 000		1 000		TD
10		VTT	10/3	507/03	18/3	NB 8127	CỤC 1B	1 020		1 020		TD
11		ĐTTM&DV	10/3	637/3	18/3	BN 2936	DON 8C	1 931		1 931		TD
12		KDT HẢI PHÒNG	10/3	640/3	18/3	BN 2638	CÁM 4A.1	1 920		1 920		TD
13		TNK MV SASEBO GLORY	09/3	1 149		CẨM PHẢ 22	TNK MOZAMBIQUE	3 880		3 880		
III	**KHO BẢO NGUYÊN**							**1 820**	**1 813**	**7**		
	Tàu đã làm hàng							***1 820***	***1 813***	***7***		
1		ĐIỆN PHẢ LẠI	07/3	152/3	31/3	QN 4140	CÁM 5A.14	1 820	1 813	7	10/3	HỘ LỚN
	Tàu dự kiến rót trong ngày											
	Tàu đã làm lệnh											
IV	**KHO CẢNG KM6**							**19 569**	**13 440**	**6 129**		
	Tàu đã làm hàng							***11 909***	***11 871***	***38***		
1		KDT MIỀN BẮC	07/3	613	17/3	NB 8104	CÁM 5A.1	2 360	2 357	3	10/3	PTCB
2		KDT MIỀN BẮC	09/3	621	19/3	HP 5806	CÁM 6A.1	5 064	5 042	22	10/3	PTCB
3		KDT HẢI PHÒNG	09/3	622	19/3	BN 2992	CÁM 5B.1	1 900	1 892	8	10/3	PTCB
4		KDT MIỀN BẮC	10/3	632	20/3	BN 2728	CÁM 6B.1	2 585	2 580	5	10/3	PTCB
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***3 030***	***1 570***	***1 460***		
1		THAN MIỀN NAM	10/3	499	17/3	TRƯỜNG XUÂN 36	CỤC 1B	1 530	799	731	RÓT DỠ	TD

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 10 THÁNG 3 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng
2		THAN MIỀN NAM	10/3	499	17/3	TRƯỜNG XUÂN 36	DON 6B	1 500	771	729	RÓT DỠ	TD
	Tàu đã làm lệnh							***4 630***		***4 630***		
1		KDT MIỀN BẮC	09/3	626	19/3	NB 8295	CẨM 5A.1	2 600		2 600		PTCB
2		VTT	08/3	619	15/3	QN 9019	DON 8A	2 030		2 030		TD
V	**TÀU XUẤT KHẨU**							**32 650**	**16 200**	**16 450**		
	Tàu đã làm hàng											
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***25 000***	***16 200***	***8 800***		
1		SINGAPORE	03/3	19/3/XK		MV HUA ZHENG HAI YANG	CỤC 5B.2	25 000	16 200	8 800	RÓT DỠ	
2		NHẬT BẢN	03/3	18/3/XK		MV JIANGHAIDA	CỤC 5A.1	2 000		2 000		
	Tàu đã làm lệnh							***7 650***		***7 650***		
1		THÁI LAN	26/02	17/02/XK		MV SUNSHINE	CỤC 4B.3	6 000		6 000		
2		INDONESIA	10/3	21/3/XK		MV NAM SON 16	CẨM 2A.1	1 650		1 650		
VI	**TÀU NHẬP KHẨU**			***ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH***				**45 000**	**18 530**	**26 470**		
	Tàu đã làm hàng											
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***35 000***	***18 530***	***16 470***		
1		MOZAMBIQUE		TMB		MV SASEBO GLORY		20 000	6 280	13 720	BỐC DỠ	
2		ÚC		TMB		MV YUE DIAN 103		15 000	12 250	2 750	BỐC DỠ	
	Tàu đã làm lệnh							***10 000***		***10 000***		
1		ÚC		CLM		W-STAR		10 000		10 000		